TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**595**/2023/LĐ - PT

Ngày: 22- 5 - 2023

V/v "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Bà Nguyễn Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 và ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 về việc "Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 03/2023/LĐ-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1577/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 5883/2023/QĐPT-LĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Thông báo về thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa số 5884/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số H T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh T1, Luật sư Đinh Ngọc A, Luật sư Đoàn Thị Hồng L, thuộc Đoàn Luật sư

Thành phố H, Thành viên Công ty L3 và Cộng S. Cùng địa chỉ: 2 H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH L3. Trụ sở: Tầng I, Tòa nhà M, Số B Đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Carl Mats Rickard N– Chức vụ: Tổng Giám đốc và ông P jorge Henriques Martins – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L1, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Số D đường D, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền số 30102022/GUQ-VBVN ngày 30/10/2022)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà T vào làm việc tại C1 (gọi tắt là Công ty L3) từ năm 2008, hai bên có ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Hợp đồng lao động gần nhất giữa bà T và Công ty L3 là hợp đồng ký năm 2012, loại hợp đồng: Không xác định thời hạn, công việc:Công nhân ở khâu "Cán bộ khâu may B", mức lương theo công chuẩn là 7.500.000 đồng/tháng, tổng thu nhập bao gồm lương và các khoản trợ cấp (độc hại, đi lại, điện thoại, tiền nhà, lao động nữ, chuyên cần, tiền cơm, tiền sản lượng) là 15.836.235 đồng/tháng.

Tháng 7/2021 bà T làm việc đến ngày 14/7/2021, bắt đầu từ ngày 15/7/2021 do dịch bệnh Covid - 19 nên bà T không làm việc.

Ngày 24/7/2021, do dịch bệnh C -19 bùng phát nên Công ty và bà T có thỏa thuận nghỉ việc không lương từ ngày 01/8/2021 cho đến khi có thông báo mới. Trong thời gian Công ty L3 cho công nhân nghỉ việc, Giám đốc điều hành văn phòng (bà Lê Thị Huyền T2) giải thích nếu muốn nhận gói hỗ trợ 68 (gói hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính Phủ) thì người lao động nhắn tin "Đồng ý" nghỉ không lương nên bà T đồng ý.

Đến ngày 02/11/2021 bà T nhận được Thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 10/10/2021. Không đồng ý nên bà T làm đơn khiếu nại yêu cầu Công ty giải quyết các nội dung gồm: Nhận bà T trở lại làm việc; Trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày bà T không được làm việc; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động vì đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật; Bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước; Trường hợp Công ty L3 không muốn nhận bà T trở lại làm việc thì yêu cầu Công ty L3 bồi

thường thêm 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động.

Phía Công ty L3 thông báo từ ngày 15/7/2021 Công ty đã ngưng sản xuất nên không nhận bà T trở lại làm việc. Đối với các yêu cầu thanh toán tiền của bà T phía Công ty L3 cho rằng đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định nên không giải quyết.

Bà T đã nộp đơn đề nghị Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện H giải quyết yêu cầu Công ty bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và 45 ngày lương do vi phạm thời gian báo trước nhưng giữa bà T và Công ty không hòa giải được.

Xét thấy việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng là trái pháp luật và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người lao động, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xem xét buộc Công ty TNHH L3 thanh toán cho bà T tổng số tiền là 110.853.645 đồng, bao gồm các khoản:

- Trả lương những ngày không được làm việc (Từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/12/2021): 79.181.175 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương: 31.672.470 đồng.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, tại phiên tòa bà T xác định các khoản bà T yêu cầu Công ty thanh toán dựa trên mức lương 15.836.235 đồng/tháng bao gồm:

1. Trả lương những ngày không được làm việc (từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm): 244.860.394 đồng.

2. Bồi thường 02 tháng tiền lương: 31.752.470 đồng.

3. Bồi thường khoản tiền lương trong những ngày không báo trước với số tiền yêu cầu là 27.478.099 đồng.

4. Truy thu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử với số tiền yêu cầu là: 76.205.938 đồng.

Tổng số tiền bà T yêu cầu Công ty L3 thanh toán là 380.296.891 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng L1 và ông Nguyễn Đức V là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH L3 thống nhất trình bày:

Bà T vào làm việc tại Công ty L3 từ năm 2008, hai bên có ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty L3 là hợp đồng không xác định thời hạn, công việc làm là công nhân ở khâu "Cán bộ khâu may B", tiền lương ghi trong hợp đồng ký năm 2012 là 2.200.000 đồng/tháng và các khoản trợ cấp, tăng ca. Mức lương Công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho bà T là 8.123.277 đồng/tháng.

Do dịch bệnh C -19 kéo dài, Công ty L3 gặp khó khăn về chuỗi cung ứng, sản xuất, xuất khẩu. Các đơn hàng xuất khẩu của Công ty bị đối tác nước ngoài đơn phương hủy bỏ, không ký được hợp đồng mới, các hoạt động sản xuất cầm chừng từ tháng 5/2021 đến giữa tháng 7/2021. Từ ngày 22/5/2021 đến ngày 14/7/2021 Công ty giảm 50% công suất, lao động làm việc theo ca (ca thứ 2,4,6 hoặc ca thứ 3,5,7).

Từ ngày 14/7/2021 do Công ty L3 tổ chức "3 tại chỗ" hoặc "2 điểm đến 1 cung đường" nên Công ty cho người lao động tạm nghỉ không lương và đóng cửa ngưng hoạt động sản xuất. Ngày 14/7/2021 Công ty L3 Quyết định không số về việc tạm dừng hầu hết mọi hoạt động sản xuất.

Ngày 24/7/2021, Công ty L3 với Ban chấp hành Công đoàn ra Quyết định số HR012021 về việc tiếp tục tạm dừng hoạt động sản xuất theo Công văn số 2337/UBND-TH của Ủy ban nhân dân Thành phố H đến hết ngày 31/8/2021 hoặc đến khi có thông báo mới. Đồng thời, giữa Công ty và người lao động thống nhất biên bản thỏa thuận nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01/8/2021 đến khi có thỏa thuận khác hoặc có thông báo từ Công ty.

Ngày 16/8/2021, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện Chỉ thị 16 giãn cách xã hội thêm 01 tháng đến ngày 15/9/2021 (theo Công văn 2718/UBND-VX ngày 15/8/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố H), Công ty bị hủy hết đơn hàng, không có đơn hàng mới, phải ngưng sản xuất. Do đó, Công ty đã tổ chức họp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở về việc dừng hoạt động sản xuất và thông báo cho người lao động nghỉ việc.

Ngày 23/8/2021, Công ty L3 Thông báo số 01-TB/VB202108 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với toàn bộ các vị trí liên quan đến sản xuất. Thời điểm chấm dứt hợp đồng là ngày 22/9/2021 (đối với hợp đồng lao động có thời hạn) và kể từ ngày 10/10/2021 (đối với hợp đồng lao động vô thời hạn). Lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động là do dịch bệnh C – 19, Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng buộc phải tạm ngưng việc sản xuất và giảm chỗ làm việc.

Cùng ngày 23/8/2021, Công ty L3 Thông báo số 66/TB-VGB2021 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị T, thời điểm chấm dứt hợp đồng từ ngày 10/10/2021.

Các thông tin liên quan việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với toàn bộ các công nhân thuộc khối sản xuất được Công ty thông tin đến người lao động thông qua các hình thức như dán Thông báo trước trụ sở Công ty, đăng thông tin trên Group "VB Office", thông tin đến BCH Công đoàn, Chủ tịch Công đoàn (ông Cao Hữu L2) đăng nội dung toàn văn Biên bản họp thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngày 16/8/2021 và Thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với toàn bộ các công nhân thuộc khối sản xuất trên zalo cá nhân "Locvagabond" nhằm thông báo cho người lao

động.

Đồng thời với việc thông báo cho người lao động nghỉ việc, trong tháng 9/2021 Công ty đã thực hiện chuyển khoản cho người lao động các chế độ nghỉ việc gồm: Tiền hỗ trợ phí sinh hoạt, tiền trợ cấp thôi việc và phép năm, chốt đóng bảo hiểm xã hội đến hết ngày 14/7/2021, tham gia bảo hiểm y tế cho người lao động đến ngày 01/10/2021.

Trường hợp nghỉ việc của bà Trần Thị T, ngày 10/9/2021 Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho bà T tiền hoàn trả BHXH, BHTN, tiền trợ cấp thôi việc và tiền hỗ trợ phí sinh hoạt với tổng số tiền là 5.061.914 đồng.

Đến ngày 10/10/2021, căn cứ Thông báo số 66/TB-VGB2021 ngày 23/8/2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị T, Công ty đã ban hành Quyết định số: 20210964/QĐTV về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị T kể từ ngày 10/10/2021.

Sau khi thông báo cho người lao động nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật về lương, bảo hiểm, trợ cấp và các chế độ khác khi cho người lao động nghỉ việc. Ngoài việc thanh toán các chế độ cho người lao động nghỉ việc, Công ty đã thực hiện thủ tục nộp hồ sơ hoàn tất cho Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện H và Bảo hiểm xã hội huyện H để người lao động nghỉ việc được nhận gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính P1 (gói hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch C2 -19) và Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính P1 (gói hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp) và bàn giao đầy đủ các hồ sơ giấy tờ có liên quan cho bà Trần Thị T. Mặt khác, từ ngày 01/8/2021 đến nay người lao động đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp của Nhà nước.

Từ những trình bày trên, Công ty cho rằng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị T. Do đó, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 03/2023/LĐ-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH L3 thanh toán cho bà T tổng số tiền là 380.296.891 đồng, bao gồm: Trả lương những ngày không được làm việc (từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử); Bồi thường 02 tháng tiền lương; Bồi thường khoản tiền lương trong những ngày không báo trước; Truy thu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/01/2023, nguyên đơn bà Trần Thị t nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng thống nhất trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do:

Cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, thời gian giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm là 10 tháng, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử các vụ án lao động có cùng bị đơn là công ty L3 là không vô tư, khách quan.

Đối với đoạn ghi âm giữa ông L2 và bà T2 đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và công nhận là chứng cứ hợp pháp trong vụ án vì bị đơn không chứng minh được nguồn gốc, xuất xứ.

Trong thời gian bà T đang tạm thời nghỉ việc không hưởng lương thì Công ty không được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động. Công ty lấy lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng với người lao động là do dịch bệnh C – 19, Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng buộc phải tạm ngưng việc sản xuất và giảm chỗ làm việc. Trong khi đó Công ty không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục, mặt khác trong giai đoạn dịch bệnh khó khăn, Nhà nước có những chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhưng Công ty không sử dụng các gói hỗ trợ này, điều này chứng tỏ Công ty không lâm vào khó khăn buộc phải cho người lao động nghỉ việc. Công ty không thực hiện đầy đủ và không đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ký văn bản khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, cụ thể bà T không nhận được thông báo cho nghỉ việc đúng thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Lao động 2019; Các văn bản liên quan đến việc cho bà T nghỉ việc được Công ty ban hành không đúng quy định của pháp luật về người có thẩm quyền ký văn bản, cụ thể theo Giấy ủy quyền ngày 03/7/2021 và ngày 09/7/2021, 02 cá nhân đại diện theo pháp luật của Công ty đồng ý ủy quyền cho bà Lê Thị Huyền T2 được toàn quyền thực hiện các công việc chỉ khi tất cả người đại diện theo pháp luật của Công ty không hiện diện tại Việt Nam. Tuy nhiên, theo nội dung Công văn số 2001/A08-P4 ngày 25/8/2022 của Cục Q – Bộ C3 về việc xác minh thông tin người nước ngoài thì tính đến ngày 25/8/2022, lần xuất cảnh gần nhất của ông Carl M Rickard Nilsson là ngày 07/9/2019 và lần xuất cảnh gần nhất của ông Paulo J Henrigues Martins là ngày 03/7/2022. Ngoài ra, trong các văn bản liên quan đến việc cho bà T nghỉ việc không căn cứ vào

các Giấy ủy quyền ngày 03/7/2021 và ngày 09/7/2021. Do đó, trường hợp ngày 23/8/2021 và ngày 10/10/2021 nếu người đại diện theo pháp luật của Công ty (cụ thể là ông Paulo Jorge Henrigues M1) vẫn đang hiện diện ở Việt Nam thì việc bà Lê Thị Huyền T2 ký ban hành Thông báo số 66/TB-VGB2021 ngày 23/8/2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và Quyết định số 20210964/QĐTV ngày 10/10/2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T là vượt quá phạm vi ủy quyền theo các Giấy ủy quyền ngày 03/7/2021 và ngày 09/7/2021, đồng thời có thể phía Công ty đã hợp thức hóa các văn bản liên quan sau khi cho người lao động nghỉ việc.

Ngoài ra bị đơn đã chuyển trụ sở đến địa chỉ khác lớn hơn trụ sở cũ, báo cáo tài chính của công ty L3 nhưng thực chất công ty hoạt động không lỗ điều này cho thấy công ty không gặp khó khăn thực sự mà là trốn tránh trách nhiệm đối với người lao động. Đơn khiếu nại của bà T cho biết đã nhận được thông báo từ tháng 8/2021 là do mẫu các đơn khiếu nại in sẵn chứ thực tế bà T không nhận được thông báo cho thôi việc.

Từ đó cho thấy bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà T là không có căn cứ và vi phạm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ký văn bản, vi phạm thời hạn báo trước làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc Công ty TNHH L3 phải chịu trách nhiệm đối với việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đã gây ra cho bà T theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị T trình bày: Thống nhất với Luật sư.

Đại diện bị đơn trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại cấp sơ thẩm bị đơn có giao nộp tài liệu chứng cứ là USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T2 và ông L2, tuy nhiên hồ sơ không lưu giữ USB mà bị đơn đã nộp. Bị đơn có ký biên bản giao nộp chứng cứ với Tòa sơ thẩm nhưng không lưu giữ biên bản này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều

308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị T trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

Đối với nội dung ghi âm của ông Cao Hữu L2 (Chủ tịch Công đoàn của công ty L3 trước đây) và bà Lê Thị Huyền T2 (Giám đốc Văn phòng) do bị đơn cung cấp, nội dung cuộc nói chuyện chỉ có bà T2 xác nhận chứ không có ý kiến của ông L2 đối với đoạn ghi âm do đó Hội đồng xét xử không xem xét đây là chứng cứ trong vụ án.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty L3 trả cho bà T các khoản tiền do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tổng số tiền là 380.296.891 đồng, bao gồm: Trả lương những ngày không được làm việc (từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử); Bồi thường 02 tháng tiền lương; Bồi thường khoản tiền lương trong những ngày không báo trước; Truy thu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

[2.1] Xét, về quan hệ lao động: Căn cứ lời trình bày và sự thừa nhận của các đương sự, có cơ sở xác định giữa Công ty L3 và bà T có xác lập quan hệ lao động cụ thể nguyên đơn vào làm việc tại Công ty L3 từ năm 2008, hai bên có ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Hợp đồng lao động gần nhất giữa nguyên đơn và Công tL3 là hợp đồng ký năm 2012, loại hợp đồng không xác định thời hạn, công việc công nhân ở khâu "Cán bộ khâu may B", mức lương theo công chuẩn là 7.500.000 đồng/tháng, tổng thu nhập bao gồm lương và các khoản trợ cấp (độc hại, đi lại, điện thoại, tiền nhà, lao động nữ, chuyên cần, tiền cơm, tiền sản lượng) là 15.836.235 đồng/tháng. Ngoài ra còn có các điều khoản chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Bộ luật Lao động 2012: "Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động" do có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ lao động nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Xét, Thông báo số 66/TB-VGB2021 ngày 23/8/2021 và Quyết định số: 20210964/QĐTV ngày 10/10/2021 của Công ty L3 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Trần Thị T từ ngày 10/10/2021 với lý do dịch bệnh Covid –

19, Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng buộc phải tạm ngưng việc sản xuất và giảm chỗ làm việc.

- Về thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động: Xét, Quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động đối với từng cá nhân người lao động, trong đó có bà Trần Thị T là Quyết định số: 20210964/QĐTV ngày 10/10/2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị T kể từ ngày 10/10/2021. Các văn bản liên quan đến việc cho bà T nghỉ việc do bà Lê Thị Huyền T2 ký, không phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty (ông Carl M Rickard Nilsson hay ông Paulo J Henrigues Martins) ký. Căn cứ Thị thực Visa do Cục Q – Bộ C3 cấp cho ông P Jorge Henrigues Martins, tại trang 12 thể hiện trong giai đoạn từ ngày 10/7/2021 đến ngày 18/11/2021 ông Paulo Jorge Henrigues M1 không có mặt tại Việt Nam (xuất cảnh ngày 10/7/2021, nhập cảnh ngày 18/11/2021). Căn cứ Công văn số 2001/A08-P4 ngày 25/8/2022 của Cục Q – Bộ C3 về việc xác minh thông tin người nước ngoài thì tính đến ngày 25/8/2022, lần xuất cảnh gần nhất của ông Carl M Rickard Nilsson là ngày 07/9/2019. Như vậy, tại thời điểm ký quyết định cho nghỉ việc đại diện theo pháp luật của Công ty không có mặt tại Việt Nam và các văn bản liên quan do bà T2 ký là đúng nội dung ủy quyền theo các Giấy ủy quyền ngày 03/7/2021 và ngày 09/7/2021. Mặt khác, căn cứ nội dung xác nhận ngày 06/12/2022 của ông Paulo J Henrigues Martins thể hiện trong trường hợp một hoặc tất cả người đại diện theo pháp luật của Công ty nếu có hiện diện tại Việt Nam thì bà Lê Thị Huyền T2 vẫn được thực hiện tất cả các công việc tại Công ty trong tất cả các lĩnh vực kế toán, tài chính, ngân hàng, lao động, hải quan… theo Giấy ủy quyền ngày 03/7/2021 và ngày 09/7/2021. Do đó, các văn bản liên quan đến việc Công ty dừng hoạt động sản xuất và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động do bà Lê Thị Huyền T2 ký ban hành là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ban hành các thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động đối với người lao động, thời điểm Công ty cho người lao động nghỉ việc do dịch bệnh Covid-19 nên Chính phủ ban hành các Chỉ thị về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch, trong đó có biện pháp cách ly toàn xã hội, từ ngày 14/7/2021 công nhân Công ty L3 hầu hết không đến Công ty làm việc. Trong thời gian Công ty cho toàn bộ công nhân ngưng làm việc, bà T xác nhận Công ty L3 trao đổi thông tin với người lao động thông qua tin nhắn trên zalo và điện thoại. Công ty đã thông báo cho công nhân nghỉ việc trên các kênh thông tin như: Dán Thông báo trước trụ sở Công ty, đăng thông tin trên Group "Vagabond Office", thông tin đến Ban chấp hành Công đoàn, Chủ tịch Công đoàn (ông Cao Hữu L2) đăng tin trên zalo cá nhân "Locvagabond".

Bà T cho rằng không được Công ty L3 thông báo các thông tin liên quan đến việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bà trình bày bà chính thức nhận được Thông báo số 66/TB-VGB2021 ngày 23/8/2021 về việc chấm dứt

hợp đồng lao động, thời điểm chấm dứt hợp đồng từ ngày 10/10/2021 và Quyết định số 20210964/QĐTV ngày 10/10/2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động do Công ty trực tiếp bàn giao vào ngày 02/11/2021. Tuy nhiên, trước khi trực tiếp nhận được văn bản cho nghỉ việc từ Công ty, bà T thừa nhận sau ngày 24/7/2021 khi bà T và Công ty ký Biên bản thỏa thuận nghỉ không hưởng lương từ ngày 01/8/2021, bà T có chủ động lập ra nhóm zalo với các đồng nghiệp để trao đổi các thông tin liên quan đến công việc. Đơn khiếu nại đề ngày 02/11/2021 thể hiện bà T thừa nhận thông qua đồng nghiệp bà có biết việc Công ty L3 cho bà T và các công nhân thuộc khối sản xuất nghỉ việc. Mặc dù bà T không trực tiếp nhận thông tin trên group của Công ty L3 của Ban chấp hành Công đoàn vì không có trong danh sách thành viên 2 group trên, tại phiên tòa phúc thẩm bà T trình bày khoảng tháng 10 thông qua đồng nghiệp bà có nghe nói Công ty L3 chấm dứt Hợp đồng lao động, điều này không phù hợp với nội dung đơn khiếu nại ngày 02/11/2021 bà T có viết: *"Khoảng giữa tháng 8-2021, thông qua các đồng nghiệp tôi nhận được Biên bản họp Dừng hoạt động sản xuất theo Công văn 2337/UBND-TH và Thông báo về việc cho người lao động nghỉ việc đề ngày 16-8 của công ty do bà Lê Thị Huyền T2 (giám đốc văn phòng) và ông Cao Hữu L2 (chủ tịch Công đoàn) ký"*. Căn cứ theo nội dung này thì bà T xác nhận đã nhận được thông tin về việc Công ty L3 cho bà nghỉ việc giữa tháng 8/2021, bà còn cho biết đã nhận thông báo cho người lao động nghỉ việc đề ngày 16-8 và do bà T2 ký, thời điểm này do tình hình dịch bệnh C4 – 19 Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện giản cách xã hội theo quy định nên Công ty L3 không thể thực hiện trực tiếp, đầy đủ cho từng trường hợp, mọi hoạt động thông tin giao nhận trực tiếp gần như bị gián đoạn nên đây thuộc trường hợp bất khả kháng. Tuy nhiên bằng hình thức khác Công ty L3 đã có thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động cho người lao động và bà T cũng đã tiếp nhận được thông tin cụ thể từ tháng 8/2021, hơn nữa căn cứ những nội dung trao đổi giữa bà T và Giám đốc điều hành văn phòng (bà Lê Thị Huyền T2), thì giữa bà T và Kế toán Công ty, giữa bà T và các công nhân khác thông qua các tin nhắn zalo, tin nhắn SMS bà T còn trao đổi về các chế độ trợ cấp khi nghỉ việc nên bà việc bà T nói đến tháng 10/2021 bà mới biết được thông tin cho nghỉ việc là không chính xác. Do đó, có cơ sở xác định Công ty đã đảm bảo về thời hạn phải báo trước cho người lao động theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019.

- Về nội dung quyết định: Quyết định số 20210964/QĐTV ngày 10/10/2021 đã căn cứ nội dung biên bản cuộc họp ngày 24/7/2021 giữa Ban Giám đốc Công ty và Công đoàn cơ sở về tiếp tục tạm ngừng hoạt động sản xuất theo Công văn 2337, Biên bản cuộc họp ngày 05/8/2021 về tìm các phương án sắp xếp "3 tại chỗ" để người lao động vừa sản xuất vừa cách ly tại chỗ, Biên bản cuộc họp ngày 16/8/2021 về dừng hoạt động sản xuất và thông báo cho người lao động nghỉ việc, Thông báo số 66/TB-VGB2021 ngày 23/8/2021 về việc chấm dứt hợp đồng lao động, đã quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà

T kể từ ngày 10/10/2021, lý do: "*Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc theo điểm a khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động do (i) dịch bệnh viêm phổi do Covid-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của Công ty cũng như sự an toàn của nhân viên tại nơi làm việc, (ii) tuân thủ yêu cầu về việc dừng hoạt động của Công ty nếu không thể thực hiện "3 tại chỗ" theo Công văn 2337, Công ty không thể dự đoán thời gian hoạt động trở lại".*

Xét, theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty thì có cơ sở xác định Công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc, phần lớn là các đơn hàng xuất khẩu đi nước ngoài, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, từ tháng 5 đến tháng 7/2012 Công ty hoạt động giảm công suất, lao động làm việc theo ca (ca thứ 2,4,6 hoặc ca thứ 3,5,7). Từ ngày 14/7/2021 do Công ty L3 tổ chức "3 tại chỗ" hoặc "2 điểm đến 1 cung đường" nên Công ty cho người lao động tạm nghỉ không lương và đóng cửa ngưng hoạt động sản xuất. Ngày 14/7/2021 Công ty L3 Quyết định không số về việc tạm dừng hầu hết mọi hoạt động sản xuất. Giữa Công ty và người lao động thống nhất thỏa thuận nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01/8/2021 đến khi có thỏa thuận khác hoặc có thông báo từ Công ty. Ngày 16/8/2021 Thành phố H tiếp tục thực hiện Chỉ thị 16 giãn cách xã hội thêm 01 tháng đến ngày 15/9/2021 (theo Công văn 2718/UBND-VX ngày 15/8/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố H), Công ty dừng hoạt động sản xuất và thông báo cho người lao động nghỉ việc. Ngày 23/8/2021, Công ty L3 thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với toàn bộ các vị trí liên quan đến sản xuất, thời điểm chấm dứt hợp đồng kể từ ngày 10/10/2021 đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Xét, căn cứ bảng chi lương thanh toán qua tài khoản trong tháng 8 và tháng 9/2021 của Công ty L3 trong tháng 9/2021 Công ty đã thực hiện chuyển khoản cho người lao động các chế độ nghỉ việc gồm: Tiền hỗ trợ phí sinh hoạt, tiền trợ cấp thôi việc và phép năm, chốt đóng bảo hiểm xã hội đến ngày 14/7/2021, tham gia bảo hiểm y tế cho người lao động đến ngày 01/10/2021. Trường hợp nghỉ việc của bà Trần Thị T, ngày 10/9/2021 Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho bà T tiền hoàn trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền trợ cấp thôi việc và tiền hỗ trợ phí sinh hoạt với tổng số tiền là 5.061.914 đồng. Bà T cho biết đã nhận số tiền này và nghĩ đây là tiền hỗ trợ công nhân trong thời gian dịch bệnh. Tuy nhiên theo nội dung đã trao đổi với nhân viên kế toán của Công ty trong tin nhắn ghi ngày 09/9/2021 về việc giải quyết các chế độ có liên quan khi nghỉ việc. Sau khi cho người lao động thôi việc, phía Công ty đã giải quyết chế độ về lương, bảo hiểm, trợ cấp và các chế độ khác cho

người lao động, bà T cũng đã nhận đầy đủ các khoản trợ cấp. Ngoài việc thanh toán các chế độ cho người lao động nghỉ việc, Công ty đã thực hiện thủ tục nộp hồ sơ hoàn tất cho Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện H và Bảo hiểm xã hội huyện H để người lao động nghỉ việc được nhận gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính P1 (gói hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch C2 -19) và Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính P1 (gói hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp) và bàn giao đầy đủ các hồ sơ giấy tờ có liên quan cho bà Trần Thị T. Mặt khác, sau khi nghỉ việc, bà T xác định đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp của Nhà nước theo quy định.

Công ty L3 đã nêu trong thông báo là do ảnh hưởng của dịch bệnh C – 19, Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động là có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật. Lẽ ra Công ty phải viện dẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động : "*do thiên tai hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch họa hoặc di dời, thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc*" mới đúng quy định pháp luật. Đại diện Công ty trình bày có sự nhầm lẫn của bộ phận nhân sự trong quá trình ban hành văn bản. Xét thấy, do Công ty cho bà T nghỉ việc phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019, việc áp dụng nhầm lẫn điểm khoản trong điều luật không ảnh hưởng đến bản chất nội dung quyết định cho thôi việc.

Do đó, có cơ sở xác định Công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc nên phải đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà T là đã thực hiện đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019. Vì vậy bà T cho rằng Công ty L3 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà trái pháp luật và vi phạm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ký văn bản, vi phạm thời hạn báo trước làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm nhận định Công ty L3 ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trần Thị T từ ngày 10/10/2021 là đúng theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019, do đó không chấp nhận nên các yêu cầu của bà T về việc buộc Công ty L3 phải trả các khoản tiền do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là 380.296.891 đồng, bao gồm: Trả lương những ngày không được làm việc (từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử); Bồi thường 02 tháng tiền lương; Bồi thường khoản tiền lương trong những ngày không báo trước; Truy thu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đề nghị của đại diện Viện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí lao động:

[3.1] Án phí lao động sơ thẩm:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

- Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[3.2] Về án phí lao động phúc thẩm:

- Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

- Bị đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 36, Điều 187 Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Thi hành án Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2023/LĐ-ST ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH L3 thanh toán cho bà T tổng số tiền là 380.296.891 (Ba trăm tám mươi triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, bám trăm chín mốt) đồng, bao gồm: Trả lương những ngày không được làm việc (Từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử); Bồi thường 02 tháng tiền lương; Bồi thường khoản tiền lương trong những ngày không báo trước; Truy thu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/10/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

4. Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Hóc Môn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Kim Thúy